

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 133/2020/HC-PT

Ngày: 17-6-2020.

V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Cường;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Sơn;  
Bà Lê Thị Thúy Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** Ông Nguyễn Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 294/2019/TLPT-HC ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 26/2019/HC-ST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Z bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4101/2020/QĐPT-HC ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn L, phường X, thị xã Y, tỉnh Z.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hải Tr, sinh năm 1963, có mặt.

**Người bảo vệ quyền & lợi ích hợp pháp:** Luật sư Nguyễn Văn A và Nguyễn Đại H- Công ty Luật Fanci – Chi nhánh Thăng Long, thuộc Đoàn Luật sư tp Hà Nội. Có mặt.

**2. Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã Y, tỉnh Z (Trước ngày 01/6/2020 là UBND huyện TG).

2. UBND thị xã Y, tỉnh Z. (Trước ngày 01/6/2020 là UBND huyện TG)

Địa chỉ: Tiểu khu x, phường W, thị xã Y, Z.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Tiến D- Chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã Y, tỉnh Z. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Văn N- Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã Y, tỉnh Z. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền & lợi ích hợp pháp:* Ông Mai Cao C– Giám đốc ban Giải phóng mặt bằng hỗ trợ tái định cư (viết tắt GPMB – HT – TĐC) và ông Nguyễn Hồng I– Phó giám đốc ban GPMB – HT – TĐC thị xã Y. Có mặt ông C, ông I vắng mặt.

*3.1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. UBND phường X, thị xã Y, tỉnh Z

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hoàng Văn Ch- chức vụ: Chủ tịch UBND xã TH, thị xã Y. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Văn L– Công chức địa chính phường X. Có mặt.

3.2. Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1922

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ủy quyền ông Nguyễn Hải Tr tham gia phiên tòa, có mặt.

*Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Hữu Th và ông Nguyễn Hữu T.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2018, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 13/2/2019, bản tự khai ngày 24/01/2019 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày ý kiến:*

Nguồn gốc thửa đất gia đình ông đang khiếu kiện nằm trong diện tích 16.188,8m<sup>2</sup> toàn bộ mảnh đất được bố mẹ ông là ông Nguyễn Hữu Th và bà Dương Thị Nh khai hoang trước năm 1980, mục đích sử dụng làm nông nghiệp. Do tuổi cao sức yếu bố mẹ ông không tiếp tục sản xuất nông nghiệp nên năm 1996 đã cho ông quản lý toàn bộ thửa đất, sử dụng trồng hoa màu liên tục trên đất. Năm 2011, khi phường X tiến hành đo đạc lại, trong hồ sơ địa chính diện

tích đất thể hiện tại các thửa: 230, 129, 231, 133, 229, 228 TĐĐ số 13 sổ mục kê mang tên Nguyễn Hữu T, tổng diện tích 14.143,4m<sup>2</sup> đất sản xuất nông nghiệp. Trên mảnh đất đó gia đình ông Nguyễn Hữu T đã trồng trọt hoa màu, làm ăn sinh sống ổn định và không tranh chấp với ai cho đến khi có dự án thu hồi đất.

Trưởng ban quản lý kinh tế Y ban hành Quyết định số 318/QĐ-BQLKTNS về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường Bắc Nam 2- Khu kinh tế Y - Z, tỉnh Z.

Thực hiện Dự án đường từ Quốc lộ 1A đến điểm đầu tuyến đường Đông Tây 4 đi cảng Y – thuộc tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi cảng Y, Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) thị xã Y đã tiến hành thu hồi của gia đình ông diện tích đất 5.446,1m<sup>2</sup> tại thửa số 05 và 3.137m<sup>2</sup> đất tại thửa số 06 TĐĐ số 04.

Đối với diện tích đất bị thu hồi 5.446,1m<sup>2</sup> tại thửa số 05 TĐĐ số 04, hộ ông Nguyễn Hữu T đã được bồi thường với số tiền 753.938.800đồng.

Đối với diện tích đất bị thu hồi 3.137m<sup>2</sup> tại thửa đất số 06 TĐĐ số 04 đến nay hộ ông T không được bồi thường.

Đơn khởi kiện ngày 02/11/2018, ông Nguyễn Hữu T đề nghị Tòa án:

- Hủy Quyết định số 6597 và QĐ 6615/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND thị xã Y;
- Bồi thường cho gia đình ông diện tích thực tế bị thu hồi 10.699,6m<sup>2</sup>
- Xác định lại loại đất đối với thửa 133 TĐĐ số 13.
- Có chính sách hỗ trợ để gia đình ông ổn định cuộc sống sau khi thu hồi đất.

Ngày 13/02/2019, ông T sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Yêu cầu Tòa án tỉnh giải quyết các nội dung sau:

- Hủy 1 phần Quyết định số 6617/QĐ-UBND ngày 01/11/2017, cụ thể: Mục 24 của phụ lục kèm theo Quyết định;
- Công nhận chủ sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất số 06 TĐĐ số 04
- Bồi thường về đất khi thu hồi diện tích 3.137m<sup>2</sup> tại thửa đất số 06 TĐĐ số 04 theo loại đất trồng cây hàng năm;
- Có chính sách hỗ trợ để gia đình ông ổn định cuộc sống sau khi thu hồi đất.

*\* Ủy ban nhân dân thị xã Y trình bày:*

Về nội dung yêu cầu hủy nội dung số thứ tự 24 tại phụ lục kèm theo Quyết định số 6617/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND thị xã Y về việc thu hồi đất tại thôn L, phường X do UBND phường X quản lý.

Thực hiện công tác GPMB dự án đầu tư xây dựng công trình đường từ QL1A đến điểm đầu tuyến đường Đông Tây 4 đi Cảng Y, thuộc tuyến đường từ QL1A đi Cảng Y theo Quyết định số 352/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 29/9/2016 của Ban Quản lý Khu kinh tế Y và các Khu công nghiệp; Quyết định số 4164/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Z về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư tiêu dự án giải phóng mặt bằng (viết tắt GPMB).

Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng BI-HT&TĐC dự án (Quyết định số 7358/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 của Chủ tịch UBND thị xã Y) UBND huyện đã ban hành Thông báo chủ trương thu hồi đất (ngày 25/01/2017) đối với các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng GPMB dự án. (trong đó có hộ ông T); Hội đồng đã tiến hành họp triển khai thực hiện công tác GPMB (ngày 07/02/2017) và công khai, bàn giao Thông báo thu hồi đất cho hộ gia đình, cá nhân, tổ chức. Ngày 18/02/2017 Hội đồng tiến hành kiểm kê hiện trạng đất đai, tài sản trên đất, thu thập các loại hồ sơ về quyền sử dụng đất đối với thửa đất của hộ ông Nguyễn Hữu T. Đồng thời Hội đồng thông báo đề UBND phường X thực hiện các thủ tục xác định nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân làm cơ sở để thu hồi đất thực hiện bồi thường, hỗ trợ và TĐC, GPMB dự án.

Kết quả xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất ngày 16/4/2017 của UBND phường X đối với đất đai của hộ ông Nguyễn Hữu T có một thửa đất thuộc quyền sử dụng của gia đình, cụ thể như sau:

- Đối với thửa đất số 05 tờ bản đồ số 04, trích đo bản đồ địa chính khu đất số 01/TĐĐC-2017 tỷ lệ 1/1000 do Công ty CP trắc địa tài nguyên môi trường Ph(viết tắt Công ty Hà Phương) lập ngày 16/01/2017, Sở tài nguyên và môi trường (viết tắt TN&MT) Z phê duyệt ngày 24/01/2017, diện tích nguyên thửa 9.211, diện tích thu hồi thực hiện dự án là 5.446,1 m<sup>2</sup>, loại đất hiện trạng đang

sử dụng là đất trồng cây hàng năm (BHK) do hộ ông Nguyễn Hữu T đang sử dụng.

Về nguồn gốc thửa 05 TĐĐ số 4:

+ Thuộc thửa đất số 347 tờ bản đồ số 13 (bản đồ địa chính năm 1996), diện tích 11.380,0m<sup>2</sup>, loại đất hiện trạng hoang bằng (HgB), mục kê ghi UBND xã quản lý.

+ Thuộc thửa số 129 tờ bản đồ số 13 (bản đồ địa chính năm 2011, diện tích 14.134,4m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm (BHK), chủ sử dụng ghi Nguyễn Hữu T.

Thửa đất số 05 (nêu trên) do hộ ông Nguyễn Hữu T đang sử dụng ổn định, liên tục không tranh chấp vào mục đích trồng cây hàng năm từ trước ngày 01/7/2004 nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Diện tích đang sử dụng nằm trong hạn mức giao đất theo quy định tại Điều 129 Luật Đất đai và không thuộc quỹ đất công ích do UBND xã quản lý.

Căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật đất đai 2013 và Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. UBND thị xã Y đã ban hành quyết định thu hồi đất số 6615/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của hộ ông Nguyễn Hữu T để thực hiện dự án Đường từ Quốc lộ 1A đến điểm đầu đường Đông tây 4 đi Cảng Y, diện tích thu hồi 5.446,1m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm (BHK) và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 6597/QĐ-UBND ngày 01/11/2017, bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Hữu T số tiền là 753.938.800 đồng (trong đó bồi thường, hỗ trợ về đất 748.838.800đ; bồi thường cây cối, hoa màu 5.100.000đ).

UBND thị xã Y thực hiện thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông T tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 04 là đúng diện tích và loại đất, đúng thẩm quyền và đúng trình tự quy định của pháp luật.

- Đối với thửa đất số 06 TĐĐ số 04 trích đo bản đồ địa chính khu đất số 01/TĐĐC-2017 tỷ lệ 1/1000 do Công ty CP trắc địa TNMT Phlap ngày 16/01/2017, Sở TN&MT Z phê duyệt ngày 24/01/2017, diện tích nguyên thửa

4.891,0 m<sup>2</sup>, diện tích thu hồi thực hiện dự án 3.137,5m<sup>2</sup>, loại đất hiện trạng đất bằng chưa sử dụng (BCS).

+ Tại tờ bản đồ số 13, bản đồ địa chính năm 1996: Thuộc một phần các thửa đất: Thửa số 347, diện tích 11.380 m<sup>2</sup>, loại đất (Hg.B), số mục kê ghi chủ quản lý là UBND xã; Thửa số 265, diện tích 1.472 m<sup>2</sup>, loại đất (Hg.B), số mục kê thể hiện là UBND xã;

+ Tại bản đồ địa chính năm 2011: Thuộc một phần thửa đất số 129 TĐĐ số 13, diện tích nguyên thửa 14.134,4 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm (BHK), mục kê ghi ông Nguyễn Hữu T;

Thửa đất số 06 này, tại thời điểm kiểm kê hộ gia đình ông Nguyễn Hữu T không sử dụng, không sản xuất, hiện trạng thửa đất không có cây cối, hoa màu, vật nuôi và không có tài sản, công trình, vật kiến trúc trên đất; hiện trạng thửa đất không nguyên vẹn, đã bị đào bới lấy lớp đất mặt (sâu khoảng 0,6m đến 1,0m) tạo bề mặt lồi lõm trên toàn bộ diện tích thửa đất, không xác định được mục đích sử dụng đất. Theo báo cáo của UBND phường X, nguyên nhân được xác định là do một số đối tượng khai thác lấy đất, cát trái phép năm 2016 đã tạo bề mặt lồi lõm trên toàn bộ diện tích thửa đất.

Trên cơ sở hồ sơ, bản đồ trích đo địa chính chính khu đất số 01/TĐĐC-2017 tỷ lệ 1/1000 Sở TN&MT Z phê duyệt ngày 24/01/2017 và hiện trạng thửa đất, UBND phường X đã trình UBND thị xã Y thu hồi thửa đất số 06 nêu trên là đất bằng chưa sử dụng (BCS) do UBND xã quản lý; UBND huyện đã ban hành Quyết định số 6617/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 về việc thu hồi đất tại thôn L, phường X do UBND phường X quản lý, không bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Hữu T là đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó, ông Nguyễn Hữu T yêu cầu Tòa án tuyên hủy nội dung số thứ tự 24 tại phụ lục kèm theo Quyết định số 6617/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND thị xã Y về việc thu hồi đất tại thôn L, phường X do UBND phường X quản lý và yêu cầu UBND thị xã Y công nhận ông T là chủ sử dụng đất tại thửa 06, TĐĐ số 04 bản đồ địa chính phường X và thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho gia đình sau khi thu hồi đất là không có căn cứ pháp luật, không đủ cơ sở để giải quyết. Đề

ngợi Toà hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Z xem xét giải quyết theo quy định của Pháp luật.

*\* Ủy ban nhân dân phường X, thị xã Y thống nhất với quan điểm của UBND thị xã Y.*

*\* Ông Nguyễn Hữu Th thống nhất quan điểm với ông Nguyễn Hữu T.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2019 /HC-ST ngày 27/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Z, quyết định: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T, đề nghị:

- Hủy một phần Quyết định số 6617/QĐ-UBND ngày 01/11/2017, cụ thể: Mục 24 của phụ lục kèm theo Quyết định;
- Công nhận chủ sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất số 06 TĐĐ số 04
- Bồi thường về đất khi thu hồi diện tích 3.137m<sup>2</sup> tại thửa đất số 06 TĐĐ số 04 theo loại đất trồng cây hàng năm;
- Có chính sách hỗ trợ để gia đình ông ổn định cuộc sống sau khi thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Hữu Th và ông Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện người khởi kiện kháng cáo cho rằng, chỉ kháng cáo về việc yêu cầu bồi thường 3.137,5 m<sup>2</sup> đất tại thửa 06 TĐĐ số 04, tại thời điểm thu hồi ông T là người đứng tên trong bản đồ địa chính năm 2011 mà UBND thu hồi không bồi thường.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện và người đại diện người có quyền lợi liên quan vụ án giữ nguyên quan điểm như bản án sơ thẩm, đề nghị bác kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Th và ông Nguyễn Hữu T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, việc Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đầy đủ quy định pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 141 Luật tố tụng Hành chính hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2019 /HC-ST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Z, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Z xét xử lại.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

*[1] Về tố tụng:* Người đại diện của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có yêu cầu xét xử vắng mặt và tại phiên tòa có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích của Chủ tịch UBND thị xã Y, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm (viết tắt HĐXX) căn cứ vào khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính (viết tắt LTTHC), tiến hành xét xử vắng mặt đại diện người bị kiện.

*[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:*

Quyết định số 6617/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND thị xã Y (sau đây gọi tắt là Quyết định 6617) là quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Z theo khoản 4 Điều 32 LTTHC.

Ngày 05/11/2018, ông Nguyễn Hữu T nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án yêu cầu hủy Quyết định số 6615/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND thị xã Y (ngày 05/01/2018 ông nhận được Quyết định 6615) vì cho rằng thực tế diện tích thu hồi đất vượt quá diện tích đất trong quyết định, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện xác định diện tích đất mà ông T đang quản lý bị thu hồi bởi hai Quyết định là Quyết định số 6615 và Quyết định 6617 cùng ngày 01/11/2017 của UBND thị xã Y. Do vậy, ngày 13/02/2019 ông sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu hủy 1 phần Quyết định số 6617/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND thị xã Y (Mục 24 phụ lục kèm theo QĐ là các Quyết định hành chính. Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 116 LTTHC.

*[3] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định số 6617:*

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường từ QL1A đến điểm đầu tuyến đường Đông Tây 4 đi Cảng Y, thuộc tuyến đường từ QL1A đi Cảng Y theo Quyết định số 352/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 29/9/2016 của Ban Quản lý Khu kinh tế Y và các Khu công nghiệp; Quyết định số 4164/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Z về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư tiểu dự án GPMB.



Ngày 09/11/2016 Chủ tịch UBND thị xã Y đã ban hành Quyết định số 7358 /QĐ-UBND thành lập Hội đồng BT-HT&TĐC dự án. Ngày 25/01/2017 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành và bàn giao: “Thông báo chủ trương thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng GPMB dự án trong đó có hộ ông T” cho các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án; Sau khi tiến hành kiểm kê hiện trạng đất đai, tài sản trên đất, thu thập các loại hồ sơ về quyền sử dụng đất đối với phần đất bị ảnh hưởng của các hộ dân và thực hiện các thủ tục xác định nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân làm cơ sở để thu hồi đất, thực hiện bồi thường, hỗ trợ và TĐC, GPMB dự án.

Sau khi có kết quả xác định nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, ngày 01/11/2017 UBND thị xã Y đã ban hành quyết định thu hồi đất số 6615 của hộ ông Nguyễn Hữu T để thực hiện dự án Đường từ Quốc lộ 1A đến điểm đầu đường Đông tây 4 đi cảng Y, diện tích thu hồi 5.446,1 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm (BHK) tại thửa 05 tờ bản đồ (TBD) số 04 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 6597/QĐ-UBND ngày 01/11/2017, bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Hữu T.

Cùng ngày UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất số 6617 về việc thu hồi đất tại thửa 06 TBD số 04 thôn L, phường X xác định là đất do UBND phường X quản lý.

Như vậy, UBND thị xã Y ban hành quyết định thu hồi đất là phù hợp với quy hoạch, phù hợp với quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

*[4] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu Th.*

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hải Tr đại diện ông T, ông Trình xác định chỉ kháng cáo, yêu cầu UBND thị xã Y tiến hành thu hồi 3.137,5 m<sup>2</sup> đất tại thửa 06 TBD số 04 và bồi thường theo quy định của pháp luật.

[4.1] HĐXX nhận thấy: Theo hồ sơ địa chính các thời kỳ thể hiện diện đất bị thu hồi tại thửa 06 TĐĐ số 04 như sau:

+ Tại bản đồ 299 đo vẽ năm 1986 thì diện tích 3.137,5 m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa đất số 333, 334, 338, 339, 340, 341, 463, 464 thuộc TĐĐ số 02, thửa số 01, tổng diện tích nguyên thửa là 58000 m<sup>2</sup> loại đất hoang (Hg/đbL), không thể hiện đối tượng sử dụng đất.

+ Trích bản đồ địa chính năm 1996: diện tích 3.137,5 m<sup>2</sup> đất thuộc một phần các thửa đất: Thửa số 347 từ bản đồ số 13, diện tích 11.380 m<sup>2</sup>, loại đất (Hg.B), số mục kê ghi chủ quản lý là UBND xã; thửa số 265, diện tích 1.472 m<sup>2</sup>, loại đất (Hg.B), số mục kê thể hiện là UBND xã; thửa số 281 diện tích 1.046m<sup>2</sup>, loại đất (LM) số mục kê ghi là Hồ Thanh Phương. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T khẳng định ông Phương không liên quan gia đình ông.

+ Trích bản đồ đo vẽ hiện trạng phường X phê duyệt năm 2011: diện tích 3.137,5 m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 129 TĐĐ số 13, diện tích nguyên thửa 14.134,4 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm (BHK), mục kê ghi ông Nguyễn Hữu T;

+ Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất số 01/TĐĐC-2017 tỷ lệ 1/1000 do Công ty Phlập ngày 16/01/2017, Sở TN&MT Z phê duyệt ngày 24/01/2017, thửa đất số 06, từ bản đồ số 04 diện tích nguyên thửa 4.891,0 m<sup>2</sup>, diện tích thu hồi thực hiện dự án 3.137,5 m<sup>2</sup>, loại đất hiện trạng đất bằng chưa sử dụng (BCS).

[4.2] Tại thời điểm kiểm kê thu hồi đất, UBND thị xã Y xác định hộ gia đình ông Nguyễn Hữu T không sử dụng đất, không sản xuất, hiện trạng thửa đất không có cây cối hoa màu, vật nuôi và không có tài sản, công trình, vật kiến trúc trên đất, Hiện trạng thửa đất không nguyên vẹn, đã bị đào bới lấy lớp đất mặt (sâu khoảng 0,6m đến 1,0m) tạo bề mặt lồi lõm trên toàn bộ diện tích thửa đất, không xác định được mục đích sử dụng đất. Ông T cũng thừa nhận: *“Thời kì đo đạc (tức là lúc Công ty CP trắc địa TNMT Pháo năm 2017) gia đình tôi vừa thu hoạch xong vụ màu nên hiện trạng không có cây cối, hoa màu nhưng thửa đất 06, từ bản đồ 04 không phải là đất hoang bằng không người sử dụng”* (BL 242) và *“Năm 2011 do không có nước việc trồng trọt khó khăn, gia đình chúng tôi có dự định cải tạo một phần để nuôi trồng*

*thủy sản kết hợp trồng cây hàng năm. Phần diện tích 3.137m<sup>2</sup> đất thu hồi nằm trong phần diện tích cải tạo để nuôi trồng thủy sản của gia đình tôi” (BL 21).*

[4.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, UBND phường X và ông Nguyễn Hữu Hội - trưởng thôn L đều khẳng định: Đất tại thửa 06 TĐĐ số 4, hộ gia đình ông T đã không sử dụng từ thời điểm năm 2015 cho đến khi Nhà nước thu hồi đất. Bản thân ông T tại phiên tòa sơ thẩm cũng thừa nhận đã không sử dụng đất tại thửa 06 vào mục đích trồng cây hàng năm từ thời điểm 2015 đến thời điểm thu hồi thực hiện dự án. Do không canh tác, sử dụng nên thời điểm kiểm kê, giải phóng mặt bằng ông T không kê khai về đất, hoa màu tại thửa 06 TĐĐ số 04, chỉ kê khai về đất và hoa màu tại thửa 05 (Biên bản kiểm kê ngày 18/02/2017 ông T có tham gia và ký nhận)

[4.4] Như vậy, đủ cơ sở xác định thửa đất số 06 TĐĐ số 04 ông T đang khởi kiện có nguồn gốc là đất hoang, hộ gia đình ông Nguyễn Hữu T có thời gian sử dụng đất nhưng không liên tục và tại thời điểm kiểm kê bồi thường gia đình ông không sử dụng đất, không có tài sản trên đất thuộc trường hợp bị thu hồi đất theo điểm h khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013 mà không được bồi thường về đất.

Quá trình giải quyết, ông T cho rằng, bản đồ địa chính và sổ mục kê năm 2011 có ghi chủ sử dụng là ông Nguyễn Hữu T không có cơ sở, vì theo “*Trích bản đồ đo vẽ hiện trạng phường X phê duyệt năm 2011*” chỉ xác định hiện trạng người sử dụng đất, không phải là một trong các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T khẳng định ông không thực hiện kê khai, không có giấy tờ pháp lý liên quan thửa đất số 06 TĐĐ số 04 nêu trên, chỉ có các hộ dân xác nhận. Do đó, khi thực hiện thu hồi UBND thị xã Y xác định là đất bằng chưa sử dụng do UBND xã quản lý và trên cơ sở đó UBND huyện đã ban hành Quyết định số 6617/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 về việc thu hồi đất tại thôn L, phường X do UBND phường X quản lý, không bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Hữu T là đúng theo quy định của pháp luật.

[4.5] Do đó, yêu cầu hủy một phần Quyết định số 6617/QĐ-UBND ngày 01/11/2017, cụ thể: Mục 24 của phụ lục kèm theo Quyết định; Công nhận chủ sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất số 06 TĐĐ số 04; Bồi thường về đất khi thu hồi diện tích 3.137m<sup>2</sup> tại thửa đất số 06 TĐĐ số 04 theo loại đất trồng cây hàng năm; Có chính sách hỗ trợ để ổn định cuộc sống sau khi thu hồi đất của ông Nguyễn Hữu T là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Nguyễn Hữu Th và ông Nguyễn Hữu T không xuất trình chứng cứ mới, nên không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Th và ông Nguyễn Hữu T; không có cơ sở chấp nhận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2019 /HC-ST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Z.

[5] Về án phí: Đơn kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Hữu T phải nộp án phí hành chính phúc thẩm, ông Nguyễn Hữu Th là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Th và ông Nguyễn Hữu T và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2019 /HC-ST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Z.

2. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Hữu T phải nộp án phí hành chính phúc thẩm, xác nhận ông Nguyễn Hữu T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu số 0004568 ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Z. Ông Nguyễn Hữu Th được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Z;
- VKSND tỉnh Z;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THA Dân sự tỉnh Z;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Văn Cường**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Bình    Nguyễn Văn Sơn**

**Nguyễn Văn Cường**

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Z;
- VKSND tỉnh Z;
- Cục THA Dân sự tỉnh Z;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Cường**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Minh Tuấn**

**Đinh Thị Phụng**

**Nguyễn Văn Cường**

